

Bản án số: **28/2025/DS - ST**
Ngày: 22 - 8 - 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Hồng Thanh.
- Bà Lương Thị Bảo Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 387/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn . Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP T1 có trụ sở tại B đường H, KP5, phường X, TP L, tỉnh Đồng Nai làm đại diện theo Quyết định số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 V/v ký hợp đồng và thẩm quyền tham gia tố tụng.

Người đại diện ủy quyền: anh Nguyễn Đức D1, sinh năm 1985. Địa chỉ: B H, khu phố E, phường X, thành phố L, (nay là phường L), tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 30-10-2024).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1978 và chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: tổ C, khu phố T, phường X, thành phố L, Đồng Nai. (nay là phường X, tỉnh Đồng Nai)

(Anh D2 có đơn xin vắng mặt; ông H, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L vay vốn tại Ngân hàng TMCP S (S1) – CN Long Khánh theo Hợp đồng tín dụng số: 202126205015 ngày 27/7/2021, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/9/2022; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 28/9/2023, Giấy nhận nợ số LD2328200174 ngày 09/10/2023 cụ thể: Số tiền vay: 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Lãi suất vay: 03 tháng đầu tiên áp dụng lãi suất 11.5%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ bản tương ứng theo kỳ hạn vay được S2 niêm yết tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2.2%/năm.

Biện pháp bảo đảm: thửa số 113, tờ bản đồ số 46 tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 172377 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 20-6-2019 cho ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L tại hợp đồng thế chấp số 11111974/TC ngày 20-9-2021 giữa Ngân hàng TMCP S với ông H, bà L.

Trong quá trình vay, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng TMCP S đã làm việc nhiều lần và gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông H, bà L vẫn không có thiện chí hợp tác trả toàn bộ nợ vay.

Tính đến ngày 22/8/2025, ông H, bà L còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 814.852.220 đồng (*T tám mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi đồng*) trong đó: tiền gốc là 700.000.000 đồng, tiền lãi là 114.852.220 đồng nên Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà L trả số tiền nợ trên.

Kể từ ngày 23/8/2025 tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh cho đến khi ông H, bà L trả dứt nợ và các khoản phí (nếu có) cho Ngân hàng TMCP S theo lãi suất tại hợp đồng tín dụng, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp ông H, bà L không thanh toán đủ nợ vốn gốc và nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP S, kính đề nghị Quý Tòa tuyên xử cho Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản đảm bảo là: thửa số 113, tờ bản đồ số 46 tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 172377 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/6/2019 cho ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L tại hợp đồng thế chấp số 11111974/TC ngày 20/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP S với ông H, bà L.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được

dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông H, bà L tại Ngân hàng TMCP S. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì H, bà L vẫn tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả hết nợ.

Về chi phí tố tụng: Ông H, bà L còn phải thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản mà phía Ngân hàng đã nộp là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:*

Bị đơn ông H thừa nhận ông bà có nợ Ngân hàng TMCP S số tiền như nguyên đơn trình bày, ông H đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi như Ngân hàng khởi kiện. Nếu không thanh toán được khoản nợ trên thì ông H đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp thửa đất số 113, tờ bản đồ số 46 tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để thu hồi khoản nợ vay. Vợ ông là Nguyễn Thị Phương L vẫn cùng chung sống với nhau nhưng do làm ăn thua lỗ, ông bà phát sinh mâu thuẫn, bà L không chịu đến Tòa án làm việc mà để mặc cho ông tự giải quyết với Ngân hàng.

Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

** Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

+ Tài liệu, chứng cứ Ngân hàng đã giao nộp cho Tòa án: Đơn khởi kiện; Điều lệ ngân hàng; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng TMCP S (Bản sao), Căn cước công dân (P), Phiếu thu tiền thuế (P), Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân (Photo). Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quyết định số 5385 về việc tái bổ nhiệm nhân sự; quyết định về việc ủy quyền số 3524/2023; CCCD; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; Hợp đồng tín dụng số: 202126205015 ngày 27/7/2021, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/9/2022; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 28/9/2023, Giấy nhận nợ số LD2328200174 ngày 09/10/2023, hợp đồng thế chấp, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ đăng ký thế chấp, giấy ủy quyền; bản tự khai.

+ Từ khi thụ lý vụ án đến trước ngày mở phiên họp, bị đơn ông H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: CCCD, bản tự khai

+ Toà án đã thu thập tài liệu, chứng cứ sau đây:

- Bảng tính lãi, Biên bản lấy lời khai đương sự, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, bản ảnh.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L vắng mặt không có lý do, đại diện nguyên đơn có yêu cầu đưa vụ án ra xét xử.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Tất cả các đương sự vắng mặt nên không có lời khai nên Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng: Đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, đại diện nguyên đơn đã có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do.

Về nội dung vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thấy rằng Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà L trả khoản nợ như trên là có cơ sở nên chấp nhận: Buộc ông H, bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 814.852.220 đồng (*T trăm mười bốn triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi đồng*) trong đó: gốc là 700.000.000 đồng, lãi là 114.852.220 đồng, tiền lãi trên nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, các chi phí tố tụng được giải quyết theo quy định.

Kiến nghị: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án; quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc, tiền lãi và xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận các bên tại hợp đồng được ký kết nên Ngân hàng là nguyên đơn, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L là bị đơn; ông H, bà L có nơi cư trú tại số K, phường X, thành phố L tỉnh Đồng Nai nay là khu phố T, phường X, tỉnh Đồng Nai nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai (trước đây là Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015 và quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục ủy quyền: Ngân hàng TMCP S có văn bản ủy quyền cho ông Lê Văn L1 đại diện, ông V ủy quyền lại cho anh Nguyễn Đức D1. Xét việc ủy quyền trên của là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ngày 25/7/2025, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự lý do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ nhất. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 202126205015 ngày 27/7/2021, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/9/2022; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 28/9/2023, Giấy nhận nợ số LD2328200174 ngày 09/10/2023 và xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp số 11111974/TC ngày 20/9/2021.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình, Ngân hàng đã cung cấp toàn bộ hồ sơ vay và những tài liệu kèm theo, trong quá trình làm bị đơn ông H thừa nhận có vay vốn tại Ngân hàng như phía Ngân hàng trình bày đồng ý trả nợ và xử lý tài sản thế chấp. Bị đơn bà L vắng mặt, không đưa ra ý kiến, yêu cầu do đó, phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Như vậy, xác lập giao dịch giữa hai bên là có thật phù hợp với quy định pháp luật, ông H, bà L sử dụng số tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, đã vi phạm điều khoản thanh toán theo thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc ông H, bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông H, bà L thế chấp thửa đất số 113, tờ bản đồ số 46 tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 172377 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 20/6/2019 cho ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L tại hợp đồng thế chấp số 11111974/TC ngày 20/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP S với ông H, bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất thế chấp, tài sản không thay đổi hiện trạng hoặc phát sinh bên thứ ba. Xét việc thế chấp tài sản được các bên ký kết đúng theo quy định của pháp luật, được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị thực hiện.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tạm ứng chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất tại xã X, huyện X (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai) số tiền 4.000.000 đồng; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải hoàn lại toàn bộ chi phí tố tụng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai: Về nội dung vụ án thì quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 87; Điều 91; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, Điều 464, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L có nghĩa vụ liên đới phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền số tiền còn nợ tổng cộng là **814.852.220** đồng (*T trăm mười bốn triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn, hai trăm hai mươi đồng*) trong đó: tiền gốc là 700.000.000 đồng, tiền lãi là 114.852.220 đồng tạm tính đến ngày 22/8/2025.

Kể từ ngày 23/8/2025, ông H và bà L chưa thi hành khoản tiền nêu trên còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 202126205015 ngày 27/7/2021, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01 ngày 28/9/2022; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02 ngày 28/9/2023, Giấy nhận nợ số LD2328200174 ngày 09/10/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng đã ký kết, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tài sản để đảm bảo thi hành án là: thửa đất số 113, tờ bản đồ số 46 tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nay là xã X, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 172377 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/6/2019 cho ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Phương L tại hợp đồng thế chấp số 11111974/TC ngày 20/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP S với ông H, bà L để thu hồi khoản nợ vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Thị Phương L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ hoặc tài sản thế chấp phát mãi không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng TMCP S thì ông H, bà L phải tiếp tục có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Thị Phương L phải liên đới nộp **36.446.000** đồng (*Ba mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp **16.417.167** đồng (*Mười sáu triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005889 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đồng Nai).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trung H, bà Nguyễn Thị Phương L phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền **4.000.000** đồng (*Bốn triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông H, bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 4 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 -Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Trường